

Số: 1151/BC-UBND

An Giang, ngày 30 tháng 11 năm 2023

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023 và phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2024

Phần thứ nhất

Tình hình phát triển kinh tế - xã hội năm 2023

Kinh tế - xã hội năm 2023 của tỉnh An Giang có nhiều chuyển biến tích cực. Các hoạt động thương mại, dịch vụ, nhu cầu đi lại, hoạt động văn hóa, xã hội nhộn nhịp, sôi động, đặc biệt trong dịp Tết Nguyên đán Quý Mão 2023. Các chính sách phục hồi và phát triển kinh tế được tập trung thực hiện toàn diện trên các lĩnh vực, góp phần đem lại đời sống ổn định, thị trường phát triển cho người dân và doanh nghiệp. Bên cạnh đó, xung đột chính trị Nga - Ukraine vẫn kéo dài, tác động không nhỏ đến tình hình kinh tế của cả nước nói chung và tỉnh An Giang nói riêng. Kinh tế cả nước tăng trưởng chậm lại do sự thu hẹp của ngành công nghiệp và hoạt động xuất khẩu sụt giảm. Giá cả xăng dầu, chi phí sản xuất, sinh hoạt, vận tải tăng cao ảnh hưởng đáng kể đến đời sống của người dân, nhất là người nghèo, người có thu nhập thấp, công nhân lao động.

Với mục tiêu tiếp tục thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và tăng tốc triển khai các nhiệm vụ đột phá, trọng tâm trong năm 2023, Ủy ban nhân dân tỉnh và các cấp, các ngành đã quyết liệt thực hiện các giải pháp điều hành kinh tế - xã hội. Tình hình kinh tế - xã hội tỉnh An Giang đã có nhiều khởi sắc so với cùng kỳ năm trước, tạo nên khí thế mới, động lực mới trong tăng trưởng và phát triển. Nhiều chủ trương, chính sách quan trọng được ban hành và triển khai hiệu quả, tác động tích cực đến sự phát triển chung của toàn tỉnh.

I. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kinh tế - xã hội chủ yếu

Tình hình kinh tế - xã hội tỉnh An Giang năm 2023 có nhiều khởi sắc và tăng trưởng đáng kể. Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản duy trì tăng trưởng ổn định, là bộ đỡ vững chắc cho nền kinh tế; công nghiệp và dịch vụ chuyển biến tích cực. Các lĩnh vực văn hóa, an sinh xã hội tiếp tục được quan tâm thực hiện tốt. Trật tự an toàn xã hội, quốc phòng, an ninh, đặc biệt là an ninh biên giới vẫn được đảm bảo. Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) năm 2023 ước đạt 7,34%, đạt kế hoạch tỉnh đề ra (7,0 - 7,5%). Trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 4,43%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 11,03%; khu vực dịch vụ tăng 8,54%; thuế trừ trợ cấp tăng 5,53%. GRDP bình quân đầu người đạt 60,55 triệu đồng/năm (tương đương 2.496 USD).

Về cơ cấu kinh tế tỉnh An Giang năm 2023: khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 34,22%; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm

16,26%; khu vực thương mại và dịch vụ chiếm 46,01%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 3,50%.

** Kết quả thực hiện các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2023*

Năm 2023, tỉnh An Giang ước thực hiện đạt và vượt 14/15 chỉ tiêu mà Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh đã đề ra, trong đó có 03 chỉ tiêu vượt, 11 chỉ tiêu đạt, 01 chỉ tiêu chưa đạt. Cụ thể như sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	NQ số 42/NQ-HĐND ngày 13/12/2022 của HĐND tỉnh	Ước thực hiện năm 2023	So sánh
1	Tốc độ tăng trưởng GRDP (Giá SS 2010)	%	7,0 - 7,5	7,34	Đạt
2	GRDP bình quân đầu người	Triệu đồng	60,52 - 62,03	60,55	Đạt
3	Tổng vốn đầu tư toàn xã hội	Tỷ đồng	35.951 - 37.783	41.320	Vượt
4	Kim ngạch xuất khẩu	Triệu USD	1.170	1.172	Vượt
5	Thu ngân sách từ kinh tế địa bàn	Tỷ đồng	6.638	7.045	Vượt
6	Tỷ lệ đô thị hóa	%	42	42	Đạt
7	Tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia	%	51,7	51,7	Đạt
8	Tỷ lệ lao động được đào tạo so với tổng số lao động đang làm việc trong nền kinh tế quốc dân	%	69,5	69,5	Đạt
9	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giảm bình quân %/năm	%	1-1,2	1,0	Đạt
10	Số bác sĩ trên 01 vạn dân	Bác sĩ	9,6	9,6	Đạt
11	Số giường bệnh trên 01 vạn dân	Giường	27,5	27,5	Đạt
12	Tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế	%	92,75	91,88	Chưa đạt
13	Số xã đạt chuẩn nông thôn mới và xã nông thôn mới nâng cao	Xã	07 - 08	08 - 05 ¹	Đạt
14	Tỷ lệ dân số nông thôn được cung cấp nước sạch, hợp vệ sinh	%	94,5	94,5	Đạt
15	Tỷ lệ cơ quan nhà nước các cấp hoàn thiện chính quyền điện tử	%	60	60	Đạt

II. Thực hiện Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội

Thực hiện Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30/01/2022 của Chính phủ, tỉnh An Giang đã chủ động ban hành Kế hoạch số 134/KH-UBND ngày 14/3/2022 và Kế hoạch số 366/KH-UBND ngày 09/6/2022 với các nhiệm vụ trọng tâm: Khôi phục, thúc đẩy sản xuất kinh doanh, đẩy mạnh xuất khẩu; đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công và huy động nguồn lực xã hội, phát

¹ Quyết định số 1151/QĐ-UBND ngày 14/7/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung xã điểm xây dựng nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025.

triển hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ. Vừa phòng, chống dịch hiệu quả, vừa phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững ổn định phát triển kinh tế, bảo đảm an sinh xã hội, khôi phục và ổn định thị trường lao động, nâng cao thu nhập, đời sống cho người dân. Khẩn trương thực hiện các dự án được bố trí vốn từ nguồn Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội (tổng cộng có 05 dự án). Tiến độ thực hiện các dự án đến nay ước đạt như sau:

(1) Dự án thành phần 1 thuộc dự án đường bộ cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng giai đoạn 1: giải ngân là 1.173.000/1.173.000 triệu đồng, đạt 100% (kế hoạch vốn là 1.173.000 triệu đồng).

(2) Kè chống sạt lở bờ Tây sông Hậu đoạn xã Quốc Thái, huyện An Phú, tỉnh An Giang: giải ngân là 98.758/120.000 triệu đồng, đạt 82,3% (kế hoạch vốn là 120.000 triệu đồng).

(3) Xử lý sạt lở khẩn cấp sạt lở bờ sông Hậu đoạn qua xã Vĩnh Thạnh Trung và Bình Mỹ, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang: giải ngân là 115.098/130.000 triệu đồng, đạt 88,54% (kế hoạch vốn là 130.000 triệu đồng).

(4) Dự án đầu tư xây mới, nâng cấp, cải tạo và mua sắm trang thiết bị 42 Trạm y tế xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh An Giang: giải ngân là 60.862/139.000 triệu đồng, đạt 43,79% (kế hoạch vốn là 139.000 triệu đồng).

(5) Dự án đầu tư nâng cấp, cải tạo và mua sắm trang thiết bị 03 Trung tâm Y tế huyện trên địa bàn tỉnh An Giang: giải ngân là 18.486/34.000 triệu đồng, đạt 54,37% (kế hoạch vốn là 34.000 triệu đồng).

III. Tình hình sản xuất kinh doanh và phát triển các ngành, lĩnh vực

1. Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản

Trong năm 2023, sản xuất nông, lâm, thủy sản tiếp tục duy trì ổn định, tạo nền tảng vững chắc cho nền kinh tế. Diện tích xuống giống lúa năm nay tăng khá nhiều so với cùng kỳ, đồng thời diện tích tích trồng lúa chất lượng cao và nếp được mở rộng, trong tình hình giá lúa tăng cao đã góp phần tăng thu nhập cho nông dân; diện tích gieo trồng rau màu tăng và có sự luân canh hợp lý, thay đổi chủng loại cây màu để phù hợp với thị trường. Chăn nuôi và thủy sản ổn định, đảm bảo ổn định nhu cầu lương thực, thực phẩm, đặc biệt trong những dịp lễ, Tết.

1.1. Nông nghiệp

a) Trồng trọt: Ước cả năm 2023, toàn tỉnh thu hoạch hơn 4,059 triệu tấn lúa, tăng 2,94% so với cùng kỳ. Năng suất bình quân cả năm đạt 66,2 tạ/ha. Một số địa phương chuyển sang trồng nếp và các giống lúa chất lượng cao như Đài Thơm, Lúa Nhật, DS1, Nàng Hoa, Jasmines... thay cho lúa thường. Tình hình tiêu thụ lúa gạo có nhiều thuận lợi, giá lúa, nếp đều ở mức cao, đồng thời năng suất lúa cũng cao hơn cùng kỳ, nông dân được mùa, trúng giá.... Song tỷ lệ sản xuất theo liên kết và sản xuất nông sản đạt tiêu chuẩn vẫn còn khá thấp so với tổng diện tích sản xuất. Đối với hoa màu, sản lượng thu hoạch cả năm 2023 ước đạt gần 625 ngàn tấn, tăng 4,14% so với năm 2022; năng suất thu

hoạch ở các địa phương duy trì ổn định khoảng 220 tạ/ha, tăng 10,07% so với năm 2022. Một số loại hoa màu có năng suất tăng như khoai lang, đậu nành, đậu phộng.

b) Chăn nuôi: Tình hình chăn nuôi tương đối ổn định và có tăng trưởng nhẹ so với cùng kỳ năm trước. Dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm tiếp tục được kiểm soát tốt, tạo sự yên tâm cho người chăn nuôi. Hình thức nuôi gia công cho các doanh nghiệp ngoài tỉnh ngày càng phổ biến nên quy mô đàn sẽ tiếp tục tăng. Ước tính, sản lượng thịt hơi xuất chuồng cả năm khoảng 39 ngàn tấn, bằng 104,78% (tăng 1,8 ngàn tấn) so cùng kỳ. Trong đó, sản lượng thịt hơi trâu bò xuất chuồng khoảng 07 ngàn tấn, bằng 98,93%; heo hơi xuất chuồng khoảng 18,3 ngàn tấn, bằng 106,9%; thịt gia cầm khoảng 13,2 ngàn tấn, bằng 104,97%; trứng gia cầm khoảng 429 triệu quả, bằng 107,74% so năm 2022.

1.2. Lâm nghiệp

Tiếp tục tập trung công tác phòng cháy chữa cháy rừng, bảo vệ rừng và gieo ươm chuẩn bị cây giống lâm nghiệp để triển khai trồng theo kế hoạch. Dự kiến cả năm thực hiện trồng mới rừng tập trung 70 ha, xấp xỉ mức cùng kỳ. Cây phân tán trồng mới 1,75 triệu cây, bằng 103,36% hay tăng 57 ngàn cây so cùng kỳ. Ước tính sản lượng gỗ khai thác trong năm khoảng 36,7 ngàn m³, bằng 107,94% (tăng 3,7 ngàn m³) và 272 ngàn ster củi, bằng 101,11% (tăng 3 ngàn ster) so cùng kỳ.

1.3. Thủy sản

Giá bán cá tra nguyên liệu hiện nay dao động ở mức thấp từ 28 - 30 ngàn đồng/kg, giảm 01 ngàn đồng/kg so với cùng kỳ tuy nhiên những tháng đầu năm giá bán cá tra nguyên liệu luôn ổn định ở mức cao (dao động từ 30-32 ngàn đồng/kg), với mức giá bán này đối với hộ nuôi đã có lợi nhuận, riêng các doanh nghiệp có chu trình sản xuất khép kín sẽ đạt mức lợi nhuận cao hơn đồng thời diện tích nuôi cá tra hiện nay hầu hết thuộc các vùng nuôi của doanh nghiệp. Bên cạnh đó, nhu cầu tiêu thụ các loại thủy sản khác luôn ở mức cao (nhờ xuất khẩu sang Campuchia theo đường tiểu ngạch), từ đó làm cho quy mô nuôi và thu hoạch tăng. Ước tổng sản lượng thủy sản nuôi trồng (bao gồm sản lượng lồng bè) cả năm 2023 đạt gần 656 ngàn tấn, bằng 106,67% hay tăng gần 41 ngàn tấn so cùng kỳ.

2. Khu vực công nghiệp và xây dựng

2.1. Sản xuất công nghiệp

Sản xuất công nghiệp tiếp tục tăng trưởng ổn định, hoạt động sản xuất được tăng cường đáp ứng nhu cầu của thị trường. Quy mô sản xuất một số sản phẩm chủ lực của tỉnh như thủy sản đông lạnh, quần áo may mặc, xi măng, dược phẩm... được mở rộng. Mặt khác, thị trường tiêu thụ các sản phẩm da giày trên thế giới sụt giảm, gây khó khăn cho các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực này, khiến doanh nghiệp phải cắt giảm nhân sự hoặc giảm giờ làm, ảnh hưởng đến đời sống của một lượng lớn công nhân. Trong năm 2023, tỉnh An

Giang thường xuyên hỗ trợ doanh nghiệp tham gia trưng bày sản phẩm, kết nối với các doanh nghiệp hỗ trợ đầu cuối tại Thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội.

Nhìn chung cả năm, sản xuất công nghiệp của tỉnh tăng trưởng khá tốt. Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tăng 11,02% so với cùng kỳ, trong đó: ngành khai khoáng tăng 12,57%; ngành chế biến, chế tạo tăng 10,98%; ngành sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí tăng 12,45%; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 7,81%.

Tình hình sản xuất một số sản phẩm công nghiệp của tỉnh có nhiều khởi sắc, thị trường trong nước và quốc tế mở rộng như: Sản phẩm thủy sản đông lạnh đang thu hút nhiều đơn đặt hàng từ các thị trường châu Âu, Mỹ và dần mở rộng sang Brazil, Colombia, Nga. Sản phẩm gạo xay xát tiếp tục đón nhận tín hiệu khả quan từ thị trường Phillipines, Trung Quốc, Indonesia, Đài Loan, Ghana, Australia,... khối lượng sản xuất một số sản phẩm chủ yếu trên địa bàn tỉnh trong năm 2023 tăng so cùng kỳ².

2.2. Đầu tư, xây dựng cơ bản

Từ đầu năm đến nay, dịch COVID-19 được kiểm soát tốt, tạo điều kiện cho các công trình đầu tư công, dự án phục vụ sản xuất kinh doanh, công trình nhà ở trong dân cư tiếp tục được xây mới, sửa chữa. Hoạt động xây dựng tăng trưởng ổn định, tuy nhiên do giá nguyên vật liệu tăng cao, khiến cho một số công trình chậm tiến độ và mức độ tăng trưởng ngành xây dựng chưa cao.

Tổng vốn đầu tư toàn xã hội năm 2023 ước đạt 41.320 tỷ đồng, tăng 23,79% so với cùng kỳ. Đối với các dự án đầu tư công, ngay từ đầu năm, tỉnh đã tổ chức Hội nghị tổng kết giải ngân vốn đầu tư công năm 2022 và triển khai các nhiệm vụ, giải pháp thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công năm 2023. Bên cạnh đó, tỉnh đã thành lập các đoàn kiểm tra công trình trọng điểm trên địa bàn tỉnh, thường xuyên tổ chức kiểm tra, đôn đốc tháo gỡ những khó khăn vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện các dự án đầu tư xây dựng, nhằm đẩy nhanh giải ngân tối đa chỉ tiêu kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 được giao từ đầu năm. Ước tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công năm 2023 đạt trên 95%.

Trong tháng 6 năm 2023, tỉnh An Giang đã tổ chức Lễ khởi công dự án Tuyến cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng giai đoạn 1. Ngoài ra, tại buổi làm việc với Thủ tướng Chính phủ, tỉnh An Giang đã kiến nghị bổ sung dự án “Tuyến nối từ điểm đầu đường cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng đến cửa khẩu Tịnh Biên và điểm đầu đường cao tốc đến điểm đầu Quốc lộ 91C đi qua cửa khẩu Khánh Bình (theo tuyến Quốc lộ 91C)”, đánh dấu bước tiến quan trọng trong phát triển hạ tầng giao thông của tỉnh An Giang nói riêng và vùng đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) nói chung.

² Sản lượng đá xây dựng khai thác ước đạt 7,4 triệu m³, tăng 10,30% so với cùng kỳ; sản phẩm thủy sản đông lạnh ước đạt 168 ngàn tấn, tăng 3,76% so với cùng kỳ; sản lượng gạo xay xát ước đạt 2,02 triệu tấn, tăng 6,98% so với cùng kỳ; sản phẩm quần áo sơ mi ước đạt gần 50 triệu cái, tăng 12,77 % so với cùng kỳ; sản phẩm giày, dép da ước đạt 22,7 triệu đôi, giảm 42,18% so với cùng kỳ; sản lượng điện năng lượng mặt trời ước đạt 699 triệu kwh, tăng 21,43% so với cùng kỳ; sản phẩm nước sinh hoạt ước đạt 98,6 triệu m³, tăng 10,18% so với cùng kỳ.

3. Khu vực thương mại và dịch vụ

3.1. Thương mại - Dịch vụ

Để đẩy mạnh phát triển thương mại, kêu gọi đầu tư và giới thiệu du lịch tỉnh An Giang, tỉnh An Giang đã ban hành Quyết định số 142/QĐ-UBND ngày 13/02/2023 về Danh mục các hoạt động xúc tiến thương mại, đầu tư và du lịch trong năm 2023. Trong năm 2023, hoạt động thương mại - dịch vụ tăng trưởng mạnh mẽ, đặc biệt trong dịp Tết Nguyên đán và kỳ nghỉ lễ 30/4 - 1/5, nguồn hàng dự trữ đầy đủ, đảm bảo nhu cầu mua sắm của người dân. Giá cả hàng hóa trước, trong và sau Tết Nguyên đán không có biến động lớn, công tác bình ổn giá và kiểm soát thị trường được thực hiện tốt. Sức mua của người dân tăng mạnh và tập trung ở các mặt hàng thiết yếu như quần áo, giày dép, lương thực, thực phẩm, đồ dùng gia đình... Bên cạnh đó, các doanh nghiệp cũng tăng cường nhiều chương trình khuyến mãi hấp dẫn với giá hợp lý, thu hút khách hàng đến tham quan mua sắm. Nhiều sự kiện, lễ hội, hoạt động văn hóa được tổ chức, kích cầu tiêu dùng và du lịch của người dân như đăng cai Hội chợ Công Thương vùng ĐBSCL, ký kết quảng bá du lịch An Giang trên nền tảng TikTok, quảng bá sản phẩm OCOP An Giang ở các hội chợ, diễn đàn thương mại toàn quốc... Nhờ đó, tình hình thương mại - dịch vụ trên toàn tỉnh tăng trưởng mạnh.

Ngoài ra, tỉnh An Giang cùng các tỉnh, thành phố vùng ĐBSCL đã thực hiện ký kết bản thỏa thuận hợp tác phát triển kinh tế - xã hội với Thành phố Hồ Chí Minh. Qua đó thúc đẩy hoạt động liên kết vùng, mở rộng thị trường, kết nối cơ hội đầu tư, sản xuất, kinh doanh và học hỏi kinh nghiệm trong điều hành và phát triển kinh tế - xã hội. Năm 2023, ước doanh thu bán buôn, bán lẻ hàng hóa và dịch vụ đạt 191.957 tỷ đồng, tăng 16,60% so với cùng kỳ. Trong đó, một số mặt hàng có nhu cầu tiêu dùng tăng cao như: lương thực, thực phẩm, hàng may mặc, đồ dùng gia đình, vật liệu xây dựng và xăng dầu. Các dịch vụ tăng mạnh như ăn uống, lưu trú, du lịch lữ hành.

3.2. Du lịch

Tình hình phát triển du lịch có nhiều điểm tích cực so với cùng kỳ nhờ dịch bệnh COVID-19 đã được kiểm soát, cả nước đã mở cửa hoàn toàn đón khách du lịch trong và ngoài nước. Vào dịp Tết Nguyên đán Quý Mão và kỳ nghỉ lễ 30/4 - 1/5, các khu, điểm du lịch trong tỉnh đã đẩy mạnh tuyên truyền, quảng bá hình ảnh, chuẩn bị chu đáo để đón khách du lịch.

Đón trước nhu cầu khách du lịch tăng cao trong thời gian tới, tỉnh An Giang đã lên kế hoạch hợp tác, liên kết phát triển du lịch cụm phía Tây ĐBSCL năm 2023; đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ quản lý ngành du lịch và các cơ sở hoạt động du lịch; khuyến khích đa dạng hóa sản phẩm du lịch, gắn hoạt động du lịch với tuyên truyền văn hóa, truyền thống người An Giang và các hoạt động sinh thái; phát triển các tour tuyến du lịch, hoạt động thương mại, dịch vụ kết hợp để giữ chân du khách; thay đổi tư duy làm du lịch từ số lượng sang chất lượng, hướng đến phát triển du lịch bền vững, thân thiện với môi trường.

Ước cả năm 2023, toàn tỉnh đón tổng số 8,3 triệu lượt khách tham quan, du lịch, tăng 10,67% so với cùng kỳ và đạt 103,75% so với kế hoạch năm 2023, trong đó có 22 ngàn lượt khách quốc tế. Tổng doanh thu từ hoạt động du lịch trong năm 2023 ước đạt 5.700 tỷ đồng, tăng 21,28% so với cùng kỳ và đạt 103,63% so với kế hoạch cả năm.

3.3. Hoạt động xuất, nhập khẩu

a) Xuất khẩu: Tình hình xuất khẩu tiếp tục đạt nhiều kết quả tích cực, các mặt hàng chủ lực đều tăng khá so với cùng kỳ cả về sản lượng và kim ngạch. Thị trường Trung Quốc đã mở cửa trở lại, thúc đẩy xuất khẩu nông, thủy sản, đặc biệt là sản phẩm cá tra. Thương mại biên mậu hoạt động thông suốt. Hoạt động xuất khẩu sang các thị trường đối tác trong các hiệp định thương mại tự do (FTAs) tiếp tục được tăng cường, đồng thời mở rộng sang các thị trường mới và khó tính cho thấy sản phẩm xuất khẩu của tỉnh đã dần được cải thiện về chất lượng, mẫu mã. Các mặt hàng xuất khẩu chủ lực của tỉnh đều tăng trưởng khá tốt. Kim ngạch xuất khẩu năm 2023 ước đạt 1.172 triệu USD, tăng 1,42% so với cùng kỳ.

Một số mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của tỉnh trong năm 2023 cụ thể như sau: xuất khẩu gạo đạt 340 triệu USD, tăng 8,97% so với cùng kỳ. Điểm sáng của xuất khẩu gạo là Công ty Cổ phần Lộc Trời đã nhận được đơn đặt hàng đến 400 ngàn tấn gạo xuất sang thị trường EU trong năm 2023. Thị trường Indonesia, Trung Quốc sau mở cửa nền kinh tế nhu cầu mua gạo cao; bên cạnh đó gạo còn xuất khẩu sang các thị trường Philippines, Malaysia, Australia,... và một số thị trường như Nga, Bangladesh. Xuất khẩu thủy sản đông lạnh đạt 350 triệu USD, giảm 13,15% so với cùng kỳ; Xuất khẩu rau quả đông lạnh đạt 65 triệu USD, tăng 96,97% so với cùng kỳ; Xuất khẩu hàng may mặc ước đạt 170 triệu USD, giảm 7,10% so với cùng kỳ.

b) Nhập khẩu: Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa năm 2023 ước đạt 200 triệu USD, giảm 4,76% so với cùng kỳ. Một số mặt hàng nhập khẩu chủ yếu như: nguyên vật liệu hàng may mặc, thuốc trừ sâu và nguyên liệu.

3.4. Vận tải hành khách và hàng hóa

Nhìn chung trong năm 2023, vận tải hành khách và hàng hóa tăng trưởng khá do nhu cầu đi lại, giao thương của người dân tăng cao trong dịp Tết Nguyên đán, nghỉ lễ và các hoạt động du lịch, xúc tiến thương mại được đẩy mạnh. Tình hình vận tải và kho bãi đã trở lại hoạt động ổn định và sôi động. Tính đến thời điểm báo cáo, tỉnh đã kết nối lại hoạt động vận tải khách tuyến cố định được 23 tỉnh/thành phố, với trên 160 tuyến vận tải hành khách liên tỉnh đang hoạt động.

4. Thu, chi ngân sách

Tổng thu ngân sách nhà nước từ kinh tế địa bàn trong cả năm 2023 ước đạt 7.045 tỷ đồng, bằng 93% so với cùng kỳ. Trong đó, thu từ hoạt động xuất nhập khẩu ước đạt 410 tỷ đồng, bằng 91% so với cùng kỳ; thu nội địa ước đạt 6.635 tỷ đồng, bằng 93% so với cùng kỳ.

Tổng chi ngân sách địa phương trong năm 2023 đạt 18.377 tỷ đồng, tăng 20% so với cùng kỳ. Trong đó, chi đầu tư phát triển do địa phương quản lý ước đạt 3.405 tỷ đồng, bằng 98% so với cùng kỳ; chi thường xuyên ước đạt 11.225 tỷ đồng, tăng 7% so với cùng kỳ; chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính 21,17 tỷ đồng và chi từ nguồn trung ương bổ sung có mục tiêu là 3.726 tỷ đồng.

5. Ngân hàng

Tổng số dư vốn huy động ước thực hiện đến nay đạt 66.850 tỷ đồng, tăng 6,03% so với cuối năm 2022. Trong đó, huy động trên 12 tháng là 19.295 tỷ đồng, chiếm 28,86% trên tổng số dư vốn huy động. Tổng dư nợ thực hiện ước đạt 106.375 tỷ đồng, tăng 4,21% so với cuối năm 2022. Chất lượng tín dụng duy trì khá tốt, nợ xấu đảm bảo dưới 3%. Tập trung tín dụng cho vay vào các lĩnh vực sản xuất kinh doanh là động lực tăng trưởng kinh tế của tỉnh.

6. Đăng ký kinh doanh và thu hút đầu tư

Hoạt động thu hút đầu tư vẫn còn nhiều khó khăn do các doanh nghiệp, nhà đầu tư vẫn chưa hoàn toàn hồi phục sau tác động nặng nề bởi đại dịch COVID-19. Đồng thời, cả nước đang trong quá trình hình thành quy hoạch các cấp, các nhà đầu tư chờ đợi các cơ chế, chính sách mới ban hành để nắm bắt các cơ hội đầu tư, kinh doanh mới. Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo các ngành chủ động, quyết liệt thực hiện các Kế hoạch cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, tạo điều kiện thông thoáng và hỗ trợ kịp thời các thủ tục hành chính cho nhà đầu tư và doanh nghiệp.

6.1. Tình hình đăng ký doanh nghiệp

Trong năm 2023, toàn tỉnh ước có 965 doanh nghiệp và 968 đơn vị trực thuộc đăng ký hoạt động mới với tổng số vốn đăng ký mới là 6.532 tỷ đồng. So với cùng kỳ, số doanh nghiệp đăng ký mới tăng 11,49%, số đơn vị trực thuộc đăng ký hoạt động tăng 6,61%, tuy nhiên số vốn đăng ký giảm 15,05%. Có 421 doanh nghiệp và 121 đơn vị trực thuộc đăng ký tái hoạt động, tăng 57,80% số doanh nghiệp và 66,21% số đơn vị trực thuộc. Bên cạnh đó, có 473 doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng hoạt động, tăng 33,33% so với cùng kỳ và 164 đơn vị trực thuộc đăng ký tạm ngừng hoạt động, tăng 13,89% so với cùng kỳ. Có 135 doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể, giảm 24,77% so với cùng kỳ và 233 đơn vị trực thuộc chấm dứt hoạt động, giảm 24,26% so với cùng kỳ. Lũy kế đến cuối năm 2023, toàn tỉnh có 8.066 doanh nghiệp và 4.816 đơn vị trực thuộc đang hoạt động với tổng vốn đăng ký là 87.587 tỷ đồng.

Về phát triển hợp tác xã, tính đến nay, toàn tỉnh có 309 hợp tác xã, tăng 11,15% so với cùng kỳ. Tổng số thành viên trong hợp tác xã là 139.863 người, tương đương cùng kỳ. Thu nhập bình quân của người lao động trong hợp tác xã đạt khoảng 63 triệu đồng/năm, tăng 5% so với cùng kỳ.

Tỉnh tổ chức Hội nghị công bố và phân tích chuyên sâu chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), năng lực cạnh tranh cấp Sở, ngành và địa phương (DDCI) năm 2022 và đối thoại doanh nghiệp; đánh giá sát kết quả thực hiện,

những nguyên nhân làm giảm điểm và thứ hạng của tỉnh trong năm 2022 để đưa ra giải pháp cho năm 2023 và các năm tiếp theo.

6.2. Tình hình thu hút đầu tư

Tính đến kỳ báo cáo, tỉnh đã tiếp nhận 27 hồ sơ dự án đầu tư đăng ký mới. Trong đó, Ủy ban nhân dân tỉnh đã phê duyệt chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư đối với 05 dự án, tổng vốn đầu tư đăng ký là 209 tỷ đồng; chấp thuận chủ trương đầu tư với hình thức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư đối với 01 dự án, có vốn đầu tư 15.252 tỷ đồng. Hiện đang xem xét, chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư cho 02 dự án với tổng vốn đầu tư đăng ký là 268 tỷ đồng.

Về đầu tư trực tiếp nước ngoài, lũy kế đến nay, toàn tỉnh hiện có 39 dự án còn hiệu lực (trong đó có 10 dự án thuộc Ban Quản lý Khu Kinh tế quản lý) với tổng vốn đăng ký đầu tư là 305,9 triệu USD, tổng vốn thực hiện là 176 triệu USD (chiếm 57,53% tổng vốn đầu tư đăng ký), tạo việc làm cho 16.800 lao động.

IV. Kết quả phát triển văn hóa - xã hội

1. Giáo dục và đào tạo

Trong năm 2023, tỉnh đã tổ chức sơ kết học kỳ I và triển khai nhiệm vụ học kỳ II năm học 2022-2023; tập trung huy động học sinh trở lại trường học sau Tết Nguyên đán Quý Mão, tỷ lệ huy động đạt 99,5%; chuẩn bị và tổ chức tốt Kỳ thi học sinh giỏi quốc gia năm học 2022-2023; tổ chức thành công kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 năm học 2023-2024 và kỳ thi tốt nghiệp THPT, kết quả thi THPT quốc gia nằm trong top 10 cả nước; tổ chức khai giảng và triển khai các nhiệm vụ của năm học 2023-2024. Tiếp tục đánh giá, đầu tư cơ sở vật chất cho hệ thống giáo dục. Tính đến kỳ báo cáo, tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia đạt 50,86%.

2. Y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân

Ngành Y tế tập trung thực hiện tốt công tác phòng chống dịch bệnh: COVID-19, Sốt xuất huyết, Tay-Chân-Miệng, Chikungunya, Zika các bệnh dịch lây truyền qua đường hô hấp, tiêu hóa khác có nguy cơ bùng phát trên địa bàn trong tỉnh. Tuyên truyền các biện pháp phòng bệnh Sởi, bệnh Bạch hầu, bệnh Dại và thực hiện tiêm chủng phòng bệnh trong cộng đồng. Tính đến thời điểm báo cáo, trên địa bàn tỉnh ghi nhận 4.279 ca mắc sốt xuất huyết, 01 ca tử vong, xử lý 1.230 ổ dịch; so với cùng kỳ năm 2022, số mắc giảm 73%, tử vong giảm 03 ca. Đồng thời, ghi nhận 7.305 ca mắc tay-chân-miệng, 06 ca tử vong, xử lý 778 ổ dịch; so với cùng kỳ năm 2022, số mắc tăng 112%, tử vong tăng 06 ca.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, kiểm tra, giám sát việc thực hiện an toàn vệ sinh thực phẩm tại các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm và bếp ăn tập thể. Ghi nhận 01 vụ ngộ độc thực phẩm (chè đậu trắng) do nhiễm khuẩn và độc tố của vi khuẩn với 88 người mắc, trong đó có 01 trường hợp tử vong.

Đối với công tác phòng, chống HIV/AIDS, tình hình nhiễm HIV giảm mạnh so với thời kỳ trước. Tính từ đầu năm đến nay, toàn tỉnh phát hiện 407 ca nhiễm mới, 97 ca tử vong. So với cùng kỳ năm 2022, số ca nhiễm phát hiện tăng 22,2% (tương đương tăng 74 ca), số tử vong tăng 36,6% (tương đương tăng 26 ca).

Thực hiện các giải pháp đảm bảo đủ thuốc, vật tư y tế, trang thiết bị cho người dân; nâng cao chất lượng đội ngũ y tế; tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng, tuyển dụng nhân viên y tế đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe của người dân.

3. Lao động, việc làm, an sinh xã hội

Công tác chăm lo cho các đối tượng chính sách, người lao động, người nghèo được các cấp, các ngành quan tâm thực hiện chu đáo, đặc biệt trong dịp Tết Nguyên đán. Tỉnh An Giang chú trọng phát huy nguồn lực của các lực lượng, hội, đoàn trong hệ thống chính trị và toàn dân trong thực hiện an sinh xã hội, góp phần xây dựng quê hương An Giang giàu đẹp.

Tính đến kỳ báo cáo, toàn tỉnh đã chi trợ cấp Tết theo Quyết định của Chủ tịch nước cho hơn 12,8 ngàn người có công và thân nhân với tổng số tiền hơn 3,8 tỷ đồng; chi trợ cấp Tết theo Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh cho hơn 31 ngàn người có công và thân nhân với tổng số tiền hơn 31 tỷ đồng; chi trợ cấp cho hơn 92 ngàn người thuộc đối tượng bảo trợ xã hội với hơn 588 tỷ đồng. Hỗ trợ thực hiện 05 mô hình giảm nghèo với 123 hộ tham gia. Tổ chức tập huấn nghiệp vụ công tác trẻ em và công tác vì sự tiến bộ của phụ nữ và bình đẳng giới. Tổ chức khám chữa bệnh cho 3.542 lượt người nghèo, 2.230 lượt cho trẻ em dưới 06 tuổi.

Toàn tỉnh đã tuyển sinh đào tạo nghề nghiệp cho 25.512 người, giải quyết 21.511 trường hợp được hưởng trợ cấp thất nghiệp với tổng kinh phí chi trả gần 369 tỷ đồng; có 654 lao động đang hưởng trợ cấp thất nghiệp có việc làm trở lại; Tổ chức tư vấn, giới thiệu việc làm và xuất khẩu lao động cho 38.757 trường hợp³. Toàn tỉnh có 476 lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng⁴. Công tác vận động, phát triển người tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn đạt được một số kết quả tích cực. Ước đến cuối năm 2023, số người tham gia các loại bảo hiểm đều tăng so với cùng kỳ năm 2022⁵.

4. Văn hóa, thể dục, thể thao

³ Trong đó, giới thiệu việc làm thành công là 2.393 trường hợp. Đã tổ chức được 13 Phiên giao dịch việc làm, Ngày hội việc làm và 32 cụm, điểm tư vấn kết nối việc làm cho người lao động tại 10 huyện, thị, thành (Phú Tân, Châu Thành, Tri Tôn, Tân Châu, Long Xuyên, Thoại Sơn, An Phú, Châu Phú, Tịnh Biên, Chợ Mới), có 365 doanh nghiệp tham dự (146 trực tiếp, 219 trực tuyến), với 12.950 lao động tham dự.

⁴ Nhật Bản: 324 lao động, Đài Loan: 120 lao động, Hàn Quốc: 14 lao động, Canada: 07 lao động; Ba Lan: 03 lao động, Hoa Kỳ: 02 lao động, Hồng Kông: 02 lao động, Trung Quốc: 01 lao động, Malaysia: 01 lao động, Hungary: 01 lao động, Ả rập - Xê út: 01 lao động.

⁵ Ước đến cuối năm toàn tỉnh có 121.284 người trong độ tuổi tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, đạt tỷ lệ 12,88%, tăng 5.379 người so với cuối năm 2022; có 21.888 người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện, đạt tỷ lệ 4,46%, tăng 4.088 người so với cuối năm 2022; có 110.854 người tham gia bảo hiểm thất nghiệp, chiếm 11,77%, tăng 5.331 người so với cuối năm 2022; có 1.764.900 người tham gia bảo hiểm y tế, đạt tỷ lệ 92,75%, tăng 11.255 người so với cuối năm 2022.

4.1. Văn hóa

Trong năm 2023, toàn ngành tiếp tục triển khai tổ chức tốt các hoạt động nhân các ngày lễ kỷ niệm, sự kiện quan trọng của tỉnh và cả nước như: Chương trình biểu diễn nghệ thuật đón giao thừa Xuân Quý Mão năm 2023, Ngày hội Văn hóa, Thể thao và Du lịch đồng bào dân tộc Khmer tỉnh An Giang lần thứ XIII năm 2023, Lễ công bố Nghị quyết số 721/NQ-UBTVQH15 ngày 13/02/2023 về việc thành lập thị xã Tịnh Biên, các phường thuộc thị xã Tịnh Biên; Lễ hội Văn hóa truyền thống huyện Châu Phú lần thứ XXI năm 2023; Lễ hội Văn hoá truyền thống huyện Thoại Sơn lần thứ XXII năm 2023; Lễ kỷ niệm 135 năm Ngày sinh Chủ tịch Tôn Đức Thắng (20/8/1888 - 20/8/2023) và Tuần Văn hóa - Du lịch An Giang chào mừng Lễ kỷ niệm; Hội thảo khoa học quốc tế “Văn hóa Óc Eo trong bối cảnh văn hóa Châu Á” (17/11/2023).

Công tác bảo tồn và phát huy di sản văn hóa dân tộc tiếp tục được quan tâm thực hiện. Tỉnh đã tổ chức 70 cuộc triển lãm cố định và lưu động về thành tựu phát triển kinh tế - xã hội - văn hóa của tỉnh; đẩy mạnh tuyên truyền toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa.

Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” tiếp tục được củng cố và nâng cao chất lượng. Đến nay, toàn tỉnh có 507.165 hộ gia đình văn hóa; có 879 xóm/ấp văn hóa, đạt 100% so tổng số ấp; 87 xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới, đạt 71,42% so tổng số xã; 27 phường, thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị, đạt 72,97% so tổng số phường, thị trấn.

4.2. Thể dục, thể thao

Công tác tuyên truyền, khuyến khích người dân luyện tập thể dục, thể thao được đẩy mạnh. An Giang đã tổ chức nhiều giải thi đấu thể dục thể thao quần chúng, trong đó có 07 giải thể thao cấp tỉnh như: hội thao công nhân viên chức người lao động, giải đẩy gậy - kéo co thanh niên, giải Pencak Silat, Ngày hội văn hóa, thể thao Biên phòng, Ngày chạy Olympic vì sức khỏe toàn dân.

Đổi với thể thao thành tích cao: đã cử 148 lượt huấn luyện viên và 946 vận động viên tập huấn và tham gia thi đấu tại các giải quốc gia và quốc tế năm 2023. Kết quả đoạt 413 huy chương (128 HCV, 153 HCB và 132 HCD). Đặc biệt giành 12 huy chương (05 HCV, 03 HCB và 04 HCD) tại Đại hội Thể thao Đông Nam Á (SEA Games 32). Đoàn thể thao An Giang xếp thứ nhất toàn đoàn tại Đại hội Thể thao ĐBSCL lần thứ IX - Hậu Giang năm 2023.

5. Khoa học và công nghệ

Tiếp tục quan tâm thực hiện các dự án đầu tư phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ; thường xuyên cập nhật thông tin, tin tức, số liệu thống kê về khoa học và công nghệ lên Cổng thông tin điện tử và các phương tiện thông tin đại chúng; đẩy mạnh các hoạt động về phát triển công nghệ và thị trường công nghệ, nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm hàng hóa, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; duy trì ổn định các hoạt động quản lý nhà nước về an toàn bức xạ, sở hữu trí tuệ, tiêu chuẩn - đo lường - chất lượng.

Trong năm 2023, tỉnh An Giang đã phê duyệt triển khai 34 nhiệm vụ khoa học và công nghệ, trong đó gồm 11 nhiệm vụ cấp tỉnh và 23 nhiệm vụ cấp cơ sở. Đồng thời, tổ chức nghiệm thu và quyết toán 30 nhiệm vụ khoa học và công nghệ, gồm 01 nhiệm vụ cấp Bộ, 11 nhiệm vụ cấp tỉnh và 18 nhiệm vụ cấp cơ sở. Bên cạnh đó, triển khai thực hiện 05 dự án hỗ trợ ứng dụng, đổi mới công nghệ với tổng kinh phí 6,45 tỷ đồng. Bên cạnh đó, tỉnh An Giang tổ chức các lớp tập huấn khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo.

6. Tài nguyên và môi trường

Tiếp tục thực hiện tốt công tác cải cách hành chính, hỗ trợ đầu tư, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính liên quan lĩnh vực tài nguyên và môi trường⁶. Bên cạnh đó, trong những tháng đầu năm, toàn tỉnh thực hiện rà soát cấp cát, đá cho các công trình trọng điểm, đặc biệt tập trung huy động nguồn cát thực hiện Dự án thành phần 1 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng giai đoạn 1.

Tập trung thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng các dự án trên địa bàn tỉnh. Công tác thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các tổ chức được thực hiện đúng quy trình và thời gian quy định. Quản lý hiệu quả các nguồn tài nguyên, khoáng sản trên địa bàn tỉnh và bảo vệ môi trường. Triển khai lập danh mục các nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ nguồn nước trên địa bàn tỉnh An Giang; cập nhật Kế hoạch ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2050 và đánh giá khí hậu tỉnh An Giang và thực hiện tốt công tác đo đạc cảnh báo sạt lở trên địa bàn tỉnh.

7. Thông tin và truyền thông

Công dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử cung cấp đầy đủ thông tin về thủ tục hành chính của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh. Tính đến kỳ báo cáo, đã cung cấp tổng số 2.046 dịch vụ hành chính công trực tuyến. Tỷ lệ giải quyết hồ sơ trước hạn và đúng hạn trên cổng dịch vụ công trực tuyến đạt 98,9%.

V. Công tác nội vụ - Thanh tra - An ninh Quốc phòng

1. Công tác nội vụ - cải cách hành chính

Tiếp tục thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy các cấp theo kế hoạch; thực hiện kế hoạch số 379/KH-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai thực hiện Nghị định số 108/2014/NĐ-CP của Chính phủ về chính sách tinh giảm biên chế; triển khai thực hiện Nghị định số 61/2018/NĐ-CP của Chính phủ về

⁶ Từ đầu năm đến nay, toàn ngành đã tiếp nhận và giải quyết 89.292 hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính thuộc các lĩnh vực đất đai, môi trường, khoáng sản và tài nguyên nước với tỷ lệ đúng hạn đạt 96,43%; tổ chức 39 cuộc kiểm tra về tài nguyên và môi trường; tiếp tục chú trọng thực hiện lấy ý kiến đối với dự thảo Luật Đất đai sửa đổi; duy trì công tác thu gom và xử lý rác thải với khối lượng trung bình đạt 888,54/1.220 tấn/ngày (đạt 72,83%) trên địa bàn toàn tỉnh.

thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông; triển khai thực hiện dịch vụ công mức độ 3, mức độ 4 trên cổng dịch vụ công của tỉnh.

Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 183/KH-UBND ngày 15/3/2023 về việc triển khai khảo sát, đánh giá năng lực cạnh tranh cấp Sở, ban, ngành và địa phương tỉnh An Giang năm 2023; Kế hoạch số 699/KH-UBND ngày 15/8/2023 về thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (Chỉ số PCI) và đẩy mạnh thu hút đầu tư năm 2023 và các năm tiếp theo nhằm tiếp tục nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh trên cơ sở cải thiện các chỉ số PCI, PAPI, PAR Index, SIPAS, DDCI; coi trọng sự hài lòng của người dân trong công tác cải cách thủ tục hành chính; tạo điều kiện để người dân, doanh nghiệp được tham gia góp ý, giám sát quá trình xây dựng, tổ chức thực hiện chính sách, nhất là trong lĩnh vực cung ứng dịch vụ công, hỗ trợ doanh nghiệp.

Thực hiện Kế hoạch số 591/KH-UBND ngày 12/7/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh, trong tháng 8/2023, tỉnh đã tổ chức Hội nghị tập huấn nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) để các Sở, ngành, địa phương hiểu rõ hơn về các Chỉ số thành phần PCI, từ đó các cấp, các ngành xây dựng và triển khai các kế hoạch, giải pháp cụ thể trong từng lĩnh vực quản lý nhà nước nhằm cải thiện chất lượng điều hành kinh tế - xã hội của tỉnh, thống nhất nhận thức, hành động và nâng cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị hướng tới mục tiêu phát huy điểm mạnh, khắc phục điểm yếu, giảm thiểu các hạn chế để cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh.

Các hoạt động kiểm tra cải cách hành chính được thực hiện thường xuyên, qua đó đã kịp thời phát hiện những hạn chế, khuyết điểm, từ đó nâng cao hiệu quả hoạt động cải cách hành chính của đơn vị và nhất là việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính cho các cá nhân, tổ chức. Ngoài ra, tỉnh An Giang là một trong năm tỉnh⁷ đã cơ bản hoàn thành chỉ tiêu thu nhận hồ sơ cấp căn cước công dân.

2. Công tác tiếp công dân - Thanh tra

Toàn tỉnh đã tổ chức tiếp 8.027 lượt/8.136 người (tiếp thường xuyên 5.663 lượt/5.767 người; tiếp định kỳ và đột xuất của lãnh đạo 2.364 lượt/2.369 người); đã xử lý 2.570 đơn, số đơn đủ kiện xử lý 2.081 đơn, số đơn không đủ điều kiện xử lý là 489 đơn, chủ yếu về tranh chấp đất đai, chính sách đền bù. Toàn tỉnh đã triển khai thực hiện 380 cuộc thanh tra (87 cuộc thanh tra hành chính và 293 cuộc thanh tra chuyên ngành). Đã thực hiện hoàn thành 125 kết luận, kết quả: kiến nghị thu hồi nợ ngân sách Nhà nước với số tiền 10.315,16 triệu đồng; xử lý khác về kinh tế với số tiền 3.299,47 triệu đồng.

3. Quốc phòng, an ninh trật tự và an toàn xã hội

Triển khai thực hiện tốt nhiệm vụ quân sự, quốc phòng địa phương; hoàn thành các chỉ tiêu về công tác tuyển quân, tuyển sinh quân sự, xây dựng lực

⁷ An Giang, Tây Ninh, Lai Châu, Phú Yên, Hậu Giang.

lượng dân quân tự vệ, giáo dục quốc phòng, an ninh; huấn luyện, diễn tập cấp huyện, xã theo kế hoạch.

Triển khai đồng bộ các biện pháp tấn công, trấn áp tội phạm và đảm bảo an ninh trật tự, tăng cường phòng chống tội phạm trên lĩnh vực kinh tế, nhất là trong thời gian trước, trong và sau Tết Nguyên đán Quý Mão 2023. Đến thời điểm báo cáo, trên địa bàn tỉnh đã xảy ra 1.178 vụ liên quan tội phạm về trật tự an toàn xã hội, giảm 3,5% so cùng kỳ (1.178/1.221 vụ); phát hiện 515 vụ liên quan trật tự quản lý kinh tế, giảm 37% so cùng kỳ (626/994 vụ); phát hiện bắt giữ 204 vụ ma túy, tăng 17,2% so cùng kỳ (204/174 vụ). Tai nạn giao thông đường bộ tăng 204/145 vụ so cùng kỳ, số người chết tăng 151/133 người, số người bị thương tăng 104/40 người so với cùng kỳ; xảy ra 03 vụ tai nạn giao thông đường thủy giảm so với cùng kỳ (03/04 vụ), có 02 người chết.

VI. Đánh giá kết quả kinh tế - xã hội năm 2023

1. Thành tựu

Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh, sự quyết tâm của toàn hệ thống chính trị, doanh nghiệp và Nhân dân, bám sát Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI, trong năm qua, kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh tỉnh An Giang đã đạt được nhiều kết quả tích cực. Kinh tế tỉnh An Giang năm 2023 vẫn tiếp tục tăng trưởng mạnh, đạt mức cao so với kế hoạch đề ra. Nông nghiệp tăng trưởng ổn định, chiếm tỷ trọng cao trong nền kinh tế. Khu vực công nghiệp và xây dựng tăng trưởng khá. Khu vực dịch vụ phát triển mạnh mẽ, đặc biệt trong các dịp Lễ, Tết, nghỉ hè. Các hoạt động thương mại, dịch vụ, nhu cầu đi lại, hoạt động văn hóa, xã hội nhộn nhịp, sôi động, đặc biệt trong dịp Tết Nguyên đán Quý Mão 2023. Trật tự an toàn xã hội, quốc phòng, an ninh được đảm bảo.

2. Hạn chế, khó khăn

Bên cạnh kết quả đạt được, vẫn còn một số tồn tại, hạn chế như:

- Tình hình sản xuất - kinh doanh của doanh nghiệp đang khó khăn. Nhu cầu thị trường hàng hóa tăng chậm. Giá cả một số mặt hàng thiết yếu và nguyên liệu đầu vào tăng. Giá vật liệu xây dựng thiếu ổn định gây khó khăn việc triển khai nhiều công trình trọng điểm và giải ngân vốn đầu tư công.

- Một số công trình, dự án đầu tư xây dựng khu đô thị và nhà ở thương mại vướng mắc về trình tự.

- Biến đổi khí hậu, thời tiết cực đoan ngày càng tăng về tần suất, khó dự đoán; tình hình sạt lở bờ sông tiếp tục gia tăng.

- Còn xảy ra tình trạng ô nhiễm môi trường trên địa bàn tỉnh; công tác triển khai xây dựng nhà máy xử lý rác còn chậm.

- Tình hình an ninh trật tự an toàn xã hội còn phức tạp; an toàn giao thông tăng cao hơn cùng kỳ.

Phần thứ hai

Phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2024

Năm 2024 là năm có ý nghĩa đặc biệt quan trọng để bút phá thực hiện các mục tiêu của Kế hoạch 5 năm 2021-2025. Dự báo tình hình quốc tế, trong nước có những thuận lợi, cơ hội mới mở ra. Các chính sách từ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội lan tỏa các tác động tích cực, hỗ trợ, tạo mọi điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp tham gia đầu tư và mở rộng sản xuất kinh doanh. Song song đó, tình hình kinh tế - xã hội tiềm ẩn nhiều rủi ro do tác động trong nước và trên thế giới. Kinh tế Việt Nam và thế giới tiếp tục đứng trước những thách thức do xung đột chính trị tại Châu Âu, xuất hiện thêm xung đột tại Dải Gaza, sự biến động của giá nguyên vật liệu, lạm phát, xuất nhập khẩu, tỷ giá hối đoái...

I. Dự báo thuận lợi và khó khăn thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024

1. Thuận lợi

Tình hình kinh tế - xã hội dự báo có nhiều cơ hội mới nhờ các hoạt động liên kết, phát triển kinh tế - xã hội trong vùng ĐBSCL với Thành phố Hồ Chí Minh được thúc đẩy trên mọi mặt, mọi lĩnh vực, đặc biệt là các hoạt động xúc tiến thương mại, du lịch, dịch vụ, thu hút đầu tư,...

Tình hình xuất khẩu hàng hóa sang các thị trường tiếp tục được tăng cường. Quy mô sản xuất mở rộng, đầu ra sản phẩm được đảm bảo nhờ các hợp đồng ký kết với các tập đoàn, doanh nghiệp trong và ngoài nước. Đặc biệt, thị trường Trung Quốc đã mở cửa hoàn toàn và đang mở rộng nhập khẩu các mặt hàng nông sản mới của Việt Nam. Thị trường Hàn Quốc mở rộng nhập khẩu sản phẩm xoài của Việt Nam.

Cơ sở hạ tầng, nhất là hạ tầng giao thông trên địa bàn tỉnh ngày càng cải thiện. Các tuyến đường liên kết liên vùng, liên huyện, đặc biệt tuyến cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng đang được đầu tư xây dựng sẽ tạo điều kiện mạnh mẽ cho phát triển thương mại, dịch vụ, giao thương giữa An Giang với các tỉnh trong và ngoài vùng.

Sự quyết tâm của các cấp chính quyền trong quản lý, điều hành; sự đồng thuận của cộng đồng doanh nghiệp và người dân trong việc quyết tâm thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội.

2. Khó khăn

Thu hút đầu tư có khả năng chưa thể phục hồi do doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn từ thị trường thu hẹp, lãi vay cao, khả năng vay vốn khó... Thu hút vốn đầu tư nước ngoài tiếp tục sụt giảm trên cả nước do bối cảnh bất định toàn cầu và việc thắt chặt chính sách tiền tệ ở các nền kinh tế phát triển.

Tác động của biến đổi khí hậu, tình trạng sạt lở bờ sông, giông lốc, mưa bất thường, hạn hán có khả năng xảy ra, đặc biệt trong mùa khô, ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất nông nghiệp và các ngành kinh tế - xã hội khác.

Năng suất các mặt hàng nông sản của tỉnh dần bão hòa, đặt ra áp lực lớn cho ngành Nông nghiệp phải chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi; tăng cường nuôi trồng sản phẩm chất lượng cao, đem lại giá trị gia tăng lớn. Nhu cầu nguồn nguyên liệu xây dựng cho các công trình đầu tư xây dựng hạ tầng giao thông quy mô lớn cấp vùng đặt ra áp lực lớn cho tỉnh.

Nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ phát triển kinh tế - xã hội các ngành đặc thù của tỉnh còn hạn chế. Lực lượng lao động di cư đến các tỉnh, thành phố khu vực Đông Nam Bộ để tìm việc làm cao, gây hạn chế về lực lượng lao động cho tỉnh. An ninh trật tự tiềm ẩn nhiều nguy cơ do tình trạng mất việc làm ở các khu công nghiệp tăng.

II. Mục tiêu tổng quát và các chỉ tiêu chủ yếu

1. Mục tiêu tổng quát

Tiếp tục tập trung các nhiệm vụ trọng tâm phát triển kinh tế - xã hội. Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, hướng đến chuyển biến về chất, tạo ra giá trị thực. Tập trung đầu tư cơ sở hạ tầng, nhất là hạ tầng giao thông để tạo nền tảng phát triển du lịch, thương mại và dịch vụ, thúc đẩy liên kết vùng. Tập trung cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, đảm bảo môi trường kinh doanh bình đẳng, thuận lợi cho doanh nghiệp và nhà đầu tư. Chủ động hợp tác, liên kết vùng, phát huy thế mạnh của tỉnh. Ứng phó và thích ứng với biến đổi khí hậu, chủ động phòng, chống thiên tai, tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường. Đẩy mạnh ứng dụng và chuyển giao công nghệ vào sản xuất và chế biến. Thực hiện tốt các chính sách về giảm nghèo, đào tạo nghề, giải quyết việc làm, bảo vệ, chăm sóc trẻ em và bình đẳng giới. Giữ vững ổn định chính trị, quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội.

2. Các chỉ tiêu chủ yếu

- (1) Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) là 7,5 - 8,5%.
- (2) GRDP bình quân đầu người đạt 70,27 - 70,88 triệu đồng/người/năm.
- (3) Tổng vốn đầu tư xã hội là 47.867 tỷ đồng.
- (4) Kim ngạch xuất khẩu là 1.185 triệu USD.
- (5) Thu ngân sách đạt 7.197 tỷ đồng.
- (6) Tỷ lệ đô thị hóa đạt 43%.
- (7) Tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia đạt 53,97%.
- (8) Tỷ lệ lao động qua đào tạo trong tổng số lao động đang làm việc trong nền kinh tế quốc dân đạt 71,3%.
- (9) Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giảm bình quân 0,5 - 1%.
- (10) Số bác sĩ trên 01 vạn dân đạt 10,68 bác sĩ/01 vạn dân.

(11) Số giường bệnh trên 01 vạn dân đạt 28 giường/01 vạn dân.

(12) Tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế đạt 93%.

(13) Có thêm 05 xã đạt chuẩn nông thôn mới và thêm 05 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.

(14) Tỷ lệ dân số nông thôn được cung cấp nước sạch, hợp vệ sinh đạt 95%.

(15) Tỷ lệ cơ quan nhà nước các cấp hoàn thiện chính quyền điện tử đạt 75%.

III. Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu

1. Phát triển kinh tế

1.1. Lĩnh vực nông, lâm nghiệp và thủy sản

Triển khai Chương trình Tái cơ cấu nông nghiệp giai đoạn 2021-2025 và Kế hoạch phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh An Giang. Tiếp tục thực hiện Chương trình hành động số 06-CTr/TU ngày 29/6/2021 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển hợp tác xã, tổ hợp tác gắn với tổ chức sản xuất nông nghiệp theo chuỗi giá trị ngành hàng chủ lực tỉnh An Giang giai đoạn 2021-2025. Tăng cường phổ biến các chính sách khuyến khích hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, người dân vào nông nghiệp, nông thôn.

Tham gia vào Đề án 01 triệu ha lúa chất lượng cao vùng ĐBSCL, với mục tiêu hỗ trợ nông dân đạt lợi nhuận bình quân đạt trên 35%, tăng diện tích sản xuất chuyên canh lúa chất lượng cao gắn với tăng trưởng xanh, đồng thời nâng cao vai trò của hợp tác xã. Triển khai Thỏa thuận hợp tác giữa Liên minh Hợp tác xã Việt Nam và Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phối hợp hoạt động phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2023 - 2025.

Tiếp tục thực hiện và nhân rộng các mô hình sản xuất theo chuỗi giá trị, nhân rộng mô hình “Cánh đồng lớn”, gắn với thực hiện các mô hình kinh tế hợp tác của hợp tác xã kiểu mới, liên kết từ cung ứng đầu vào và tiêu thụ sản phẩm đầu ra trong sản xuất và cung cấp các dịch vụ khác. Hỗ trợ doanh nghiệp và hợp tác xã thực hiện mô hình liên kết sản xuất và tiêu thụ trên lúa trên địa bàn tỉnh.

Tập trung chỉ đạo, tăng cường kiểm tra, hỗ trợ, hướng dẫn thực hiện xây dựng xã điểm nông thôn mới giai đoạn 2021-2025. Thực hiện các hoạt động truyền thông, tuyên truyền về Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới và Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) bằng hình thức Pano tuyên truyền trực quan tại các xã điểm trong lộ trình xây dựng nông thôn mới tỉnh giai đoạn 2021-2025.

Tăng cường công tác tuần tra, kiểm tra bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng, phòng tránh khai thác rừng trái pháp luật. Tăng cường công tác phòng chống dịch bệnh trên cây trồng vật nuôi, tổ chức triển khai tốt công tác bảo vệ thực vật, chăn nuôi và thú y trên địa bàn tỉnh. Tiếp tục thực hiện công tác phòng chống hạn hán và xâm nhập mặn và thiên tai.

1.2. Lĩnh vực công nghiệp và xây dựng

a) Công nghiệp - Tiêu thụ công nghiệp

Kịp thời hỗ trợ, hướng dẫn, nắm bắt và tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong sản xuất, kinh doanh nhất là vướng mắc về thủ tục đầu tư, phát triển kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp. Mời gọi đầu tư các cụm công nghiệp cho các sản phẩm từ nông nghiệp, công nghiệp hỗ trợ cho ngành nông nghiệp, như: Công nghiệp chế biến lương thực thực phẩm; công nghiệp cơ khí chế tạo và sửa chữa sản phẩm cơ khí; công nghiệp dệt - giày - may; các ngành thủ công nghiệp và làng nghề truyền thống, nghề thủ công,...

Hỗ trợ các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất trên địa bàn tỉnh tham gia chương trình khuyến công nhằm đổi mới máy móc thiết bị, mô hình quản lý, nâng cao chất lượng, hạ giá thành sản phẩm, nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp tỉnh; Tổ chức tham gia hội chợ, trưng bày sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu, sản phẩm đạt chứng nhận OCOP tỉnh An Giang.

Đảm bảo cung ứng điện ổn định, an toàn, tin cậy cho người dân cũng như các hoạt động sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. Xây dựng Kế hoạch phát triển nguồn và lưới điện tỉnh An Giang phù hợp theo Quyết định số 500/QĐ-TTg ngày 15/5/2023 của Thủ tướng chính phủ về phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021-2030, có xét đến năm 2050; Kế hoạch phát triển lưới trung - hạ thế năm 2024 từ nguồn vốn ngoài đầu tư công.

b) Đầu tư xây dựng

Hỗ trợ các nhà đầu tư triển khai các dự án đầu tư vào tỉnh An Giang; mời gọi Doanh nghiệp tham gia đầu tư vào các lĩnh vực có liên quan đến đầu tư xây dựng nhà ở, kinh doanh bất động sản, quy hoạch phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh An Giang từng bước cải thiện môi trường đầu tư và hỗ trợ doanh nghiệp tốt hơn.

Tổ chức lập điều chỉnh Chương trình phát triển đô thị tỉnh An Giang đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 để quản lý phát triển đô thị, bảo đảm phù hợp với từng giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Tiếp tục triển khai có hiệu quả các dự án phát triển nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh theo Đề án 01 triệu căn nhà ở xã hội.

Hoàn thiện hệ thống thông tin nhà ở, thị trường bất động sản trên địa bàn tỉnh, nhất là đối với việc triển khai thực hiện có hiệu quả phần mềm quản lý thông tin về thị trường bất động sản trên địa bàn tỉnh. Tiếp tục theo dõi, kiểm tra các dự án nhà ở trên địa bàn tỉnh, thực hiện cập nhật, công bố, công khai thông tin các dự án đảm bảo minh bạch, công khai của thị trường bất động sản trên địa bàn tỉnh.

Tập trung tháo gỡ các điểm nghẽn, khơi thông nguồn lực, đẩy nhanh giải ngân vốn đầu tư công; thu hút nguồn vốn đầu tư tư nhân. Quyết liệt triển khai các Nghị quyết của Chính phủ về các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, giải ngân vốn đầu tư công và xuất khẩu bền vững của năm 2024.

Tập trung triển khai xây dựng và thực hiện Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025, Kế hoạch đầu tư công năm 2024 theo quy định của pháp luật về đầu tư công, Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Bố trí kế hoạch đầu tư công nguồn vốn ngân sách nhà nước phải thực hiện đúng thứ tự ưu tiên quy định tại Luật Đầu tư công, Nghị quyết số 04/2021/NQ-HĐND ngày 22/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách địa phương. Xác định dự án đầu tư trọng tâm, trọng điểm thực hiện trong năm 2024, chủ động rà soát sắp xếp thứ tự ưu tiên, triệt để tiết kiệm, chống lãng phí, tránh đầu tư phân tán, dàn trải. Tranh thủ huy động các nguồn vốn đầu tư của các thành phần kinh tế khác cho đầu tư phát triển ngoài nguồn vốn đầu tư công.

1.3. Lĩnh vực thương mại, dịch vụ

Tăng cường mời gọi nhà đầu tư xây dựng mới các công trình phát triển hạ tầng thương mại; Tiếp tục hỗ trợ, tạo điều kiện cho Liên hiệp hợp tác xã OCOP Việt Nam khảo sát, chọn vị trí thuận lợi để mở rộng hệ thống điểm trưng bày, giới thiệu và bán sản phẩm OCOP trên địa bàn tỉnh.

Tiếp tục tiến khai tập trung nghiên cứu thị trường, phát triển thương mại biên giới, hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận các kênh phân phối trong nước theo từng vùng, dựa trên hệ thống mối quan hệ liên kết vùng, nhất là ở các địa phương có ký biên bản ghi nhớ hợp tác.

Nghiên cứu triển khai hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh thực hiện các sự kiện kích cầu tiêu dùng, góp phần bình ổn thị trường; Tiếp tục phối hợp đơn vị liên quan tiếp tục hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện chuyển đổi số, trong đó đẩy mạnh ứng dụng thương mại điện tử vào hoạt động quản lý và kinh doanh. Đẩy mạnh “Cuộc vận động người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”, chương trình đưa hàng Việt về nông thôn.

Xây dựng kế hoạch triển khai nội dung hợp tác giữa tỉnh An Giang và Thành phố Hồ Chí Minh về tiêu thụ hàng hóa nông thủy sản tỉnh An Giang tại thị trường thành phố Hồ Chí Minh và thành lập các hệ thống siêu thị trên địa bàn tỉnh An Giang. Tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền, quảng bá hình ảnh du lịch và con người An Giang trên các phương tiện thông tin đại chúng. Khai thác hiệu quả thị trường khách du lịch nước ngoài.

Nâng cao hiệu quả và đổi mới phương thức xúc tiến thương mại, tăng cường các hoạt động xúc tiến xuất khẩu theo hướng chú trọng mở rộng thị trường ở các nước đang phát triển, các thị trường tiềm năng và thị trường mới nổi. Đồng thời, phát triển xuất khẩu theo chiều sâu tới những thị trường truyền thống, như Mỹ, EU, Trung Quốc, các nước Đông Á, ASEAN. Bên cạnh đó, khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng sản phẩm xuất khẩu đạt thương hiệu quốc gia và xây dựng thương hiệu doanh nghiệp.

Tập trung phát triển hệ thống logistics tỉnh An Giang. Đồng thời, thực hiện các giải pháp thúc đẩy phát triển dịch vụ logistics chuyên ngành vận tải. Thực hiện khảo sát hạ tầng thương mại biên giới (kể cả nguồn cung cấp điện) và kiểm tra tình hình thực hiện các quy định về thương mại biên giới tại các cặp cửa khẩu biên giới An Giang - Campuchia để đề xuất xây dựng hạ tầng, hạ tầng kỹ thuật tạo thuận lợi cho hoạt động thương mại biên giới.

1.4. Du lịch

Tiếp tục triển khai các chương trình, kế hoạch tạo động lực phát triển du lịch: Nghị quyết số 19/2020/NQ-HĐND ngày 08/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Quy định chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển du lịch tỉnh An Giang, Chương trình hành động phát triển hạ tầng du lịch tỉnh An Giang giai đoạn 2021-2025, Kế hoạch thực hiện Chương trình phát triển nguồn nhân lực phục vụ phát triển du lịch năm 2024, Kế hoạch số 65/KH-UBND tỉnh ngày 06/02/2023 về phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh An Giang đến năm 2025...

Triển khai Chiến lược truyền thông du lịch An Giang đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Thực hiện tuyên truyền, giới thiệu điểm đến, sản phẩm dịch vụ du lịch trên địa bàn tỉnh trên các phương tiện thông tin đại chúng. Xây dựng Đề án phát triển sản phẩm du lịch trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2024-2030 (khảo sát, kiểm kê tài nguyên có tiềm năng, định hướng xây dựng sản phẩm du lịch, sản phẩm lưu niệm, ẩm thực đặc trưng...). Tiếp tục thực hiện các Chương trình hợp tác, liên kết phát triển du lịch đã ký kết.

1.5. Phát triển doanh nghiệp và thu hút đầu tư

Tập trung cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh toàn diện trên các lĩnh vực; thực hiện các giải pháp cắt giảm và đơn giản hóa quy trình, thủ tục hành chính; chuyển đổi số, xây dựng chính quyền điện tử tạo động lực nâng cao hiệu quả cải cách hành chính; tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 06/01/2023 của Chính phủ về cải thiện môi trường kinh doanh gắn với nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh tỉnh An Giang; tập trung thực hiện mọi giải pháp để cải thiện xếp hạng chỉ số môi trường cạnh tranh cấp tỉnh một cách thực chất, hiệu quả nhất. Tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư, doanh nghiệp đến với tỉnh An Giang.

Tăng cường tuyên truyền, giới thiệu về tiềm năng, thế mạnh, cơ hội đầu tư tại tỉnh. Triển khai có hiệu quả công tác xúc tiến đầu tư các lĩnh vực, ngành nghề mà tỉnh có nhiều tiềm năng, thế mạnh theo định hướng Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2030. Theo đó, tập trung kêu gọi đầu tư vào 06 lĩnh vực chính: (1) Hạ tầng giao thông; (2) Cơ sở hạ tầng khu đô thị, khu nhà ở; (3) Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; (4) Công nghiệp, hạ tầng Khu, Cụm Công nghiệp; (5) Thương mại, dịch vụ, du lịch; (6) Văn hóa, xã hội và môi trường.

Nghiên cứu các cơ chế thu hút đầu tư vào các khu đô thị mới, khu dân cư, hạ tầng kỹ thuật đô thị tạo nên sự hấp dẫn nhà đầu tư. Phát triển nhà ở xã

hội tạo điều kiện cho người thu nhập thấp có nơi cư trú và phát triển ổn định. Triển khai thực hiện Đề án “Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp giai đoạn 2021-2030” ban hành kèm theo Quyết định số 354/QĐ-TTg ngày 05/4/2023 của Thủ tướng Chính phủ.

1.6. Thu chi ngân sách, tín dụng

Chủ động rà soát, xác định các nguồn thu còn tiềm năng, các lĩnh vực, loại thuế còn thất thu để kịp thời đề xuất các giải pháp quản lý hiệu quả; triệt để tiết kiệm chi, nhất là chi thường xuyên. Tiếp tục tập trung triển khai có hiệu quả các giải pháp hỗ trợ về thuế, phí và lệ phí, theo dõi diễn biến tình hình sản xuất, kinh doanh để tham mưu cấp thẩm quyền tháo gỡ, giải quyết kịp thời khó khăn, vướng mắc bất cập trong cơ chế, chính sách tạo thuận lợi cho doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh thúc đẩy sản xuất, kinh doanh phát triển.

Tạo thuận lợi tối đa cho doanh nghiệp, hợp tác xã trong các thủ tục xuất, nhập khẩu. Đẩy mạnh cải cách hiện đại hóa hệ thống thuế, đơn giản hóa thủ tục hành chính thuế, duy trì dịch vụ kê khai, nộp thuế, hoàn thuế điện tử, đảm bảo hệ thống công nghệ thông tin thông suốt 24/7 để hỗ trợ người nộp thuế thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước.

Tiếp tục điều hành chính sách tiền tệ chắc chắn, linh hoạt, chủ động, kịp thời, hiệu quả; phối hợp chặt chẽ, hài hòa với chính sách tài khóa mở rộng hợp lý, có trọng tâm, trọng điểm và các chính sách vĩ mô khác nhằm thúc đẩy tăng trưởng, giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế; cân bằng hợp lý giữa lạm phát và tăng trưởng, giữa lãi suất và tỷ giá.

1.7. Hội nhập quốc tế

Duy trì mối quan hệ tốt đẹp với các cơ quan đại diện ngoại giao và lãnh sự của các nước có mối quan hệ hợp tác với tỉnh thông qua việc tham dự các sự kiện và các ngày lễ quan trọng theo lời mời của các cơ quan trên. Đồng thời, nghiên cứu đề xuất các cuộc gặp để trao đổi các vấn đề hợp tác cụ thể.

Duy trì và phát huy mối quan hệ hợp tác với các đối tác truyền thống; thiết lập và thúc đẩy các hoạt động giao lưu quốc tế trong và ngoài nước, nhằm mở rộng các mối quan hệ hợp tác với các đối tác quốc tế, các địa phương của các nước có tiềm năng hợp tác và mong muốn hợp tác với tỉnh An Giang, hướng tới việc tiến hành ký kết và triển khai các thỏa thuận hợp tác với các đối tác này trên tinh thần thực chất, bình đẳng, cùng có lợi.

Phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tiếp tục rà soát, bổ sung, hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu kiều bào hàng năm, rà soát chính sách, pháp luật trong nước, tạo thuận lợi cho bà con và thu hút các trí thức, doanh nhân Việt kiều, các sinh viên Việt Nam du học về thăm quê hương, sinh sống và làm ăn; tăng cường củng cố các hội đoàn kiều bào nhằm có chính sách động viên và khen thưởng đối với các Việt kiều có nhiều đóng góp xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội.

1.8. Liên kết vùng

Triển khai thực hiện Quyết định số 974/QĐ-TTg ngày 19/8/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Hội đồng điều phối vùng ĐBSCL và Quy chế hoạt động của Hội đồng điều phối vùng đồng ĐBSCL theo Quyết định số 52/QĐ-HĐDPĐBSCL ngày 31/8/2023 của Chủ tịch Hội đồng điều phối vùng ĐBSCL; đẩy mạnh phát triển vùng kinh tế trọng điểm ĐBSCL. Triển khai Đề án liên kết phát triển bền vững tiêu vùng Tứ giác Long Xuyên trên cơ sở phát huy thế mạnh đặc thù của mỗi địa phương để cùng phát triển.

Phối hợp với các tỉnh, thành trong khu vực ĐBSCL đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động xúc tiến thương mại và đầu tư nhằm thu hút mạnh mẽ nguồn vốn đầu tư cho phát triển kinh tế - xã hội trong vùng.

2. Phát triển văn hóa - xã hội

2.1. Giáo dục và đào tạo

Tiếp tục thực hiện hiệu quả mục tiêu đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo. Tập trung nâng chất hoạt động xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia, công tác kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận chuẩn quốc gia theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo; tiếp tục thực hiện hiệu quả mục tiêu Đề án xây dựng Xã hội học tập; nâng mức độ đạt chuẩn công tác phổ cập giáo dục các cấp học; đảm bảo chỉ tiêu tỷ lệ học sinh đi học so dân số độ tuổi.

Nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý của cán bộ quản lý giáo dục các cấp. Xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 04/6/2019 của Chính phủ về tăng cường huy động các nguồn lực của xã hội đầu tư phát triển giáo dục và đào tạo giai đoạn 2019-2025. Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị định số 86/2018/NĐ-CP ngày 06/6/2018 của Chính phủ quy định về hợp tác, đầu tư trong lĩnh vực giáo dục.

2.2. Y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân

Tiếp tục quán triệt và thực hiện tốt Kế hoạch số 48-KH/TU ngày 27/4/2018 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) “Về tăng cường công tác Bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới”, Kế hoạch số 49-KH/TU ngày 27/4/2018 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành TW Đảng (khóa XII) “Về công tác Dân số trong tình hình mới”.

Tăng cường các hoạt động đào tạo và thực hiện tốt các cơ chế chính sách trong thu hút, đãi ngộ, sử dụng cán bộ để đảm bảo về số lượng và chất lượng theo quy hoạch phát triển ngành, phục vụ nhu cầu chăm sóc sức khỏe người dân. Quản lý và sử dụng có hiệu quả nguồn nhân lực y tế, từng bước nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng kịp thời nhu cầu chăm sóc sức khỏe. Tăng cường giáo dục y đức, quy chế ứng xử cho cán bộ y tế.

Đẩy mạnh thực hiện phần mềm trong thống kê y tế điện tử, quản lý khám chữa bệnh, thanh toán BHYT; Tổ chức triển khai, đưa vào hoạt động Trung tâm điều hành thông minh (IOC) và cơ sở dữ liệu chuyên ngành Y tế tỉnh An Giang. Đảm bảo cung ứng thuốc, sử dụng thuốc an toàn hợp lý, hiệu quả. Tăng

cường công tác thanh tra, kiểm tra chất lượng thuốc, mỹ phẩm lưu hành trên địa bàn, phát hiện và xử lý kịp thời thuốc, mỹ phẩm nhập lậu, thuốc giả, không rõ nguồn gốc,.. Tranh thủ nguồn ngân sách nhà nước, nguồn vốn vay ưu đãi thực hiện đầu tư xây dựng, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị để hoàn thiện hệ thống y tế.

2.3. Lao động, việc làm, an sinh xã hội

Tăng cường công tác truyền thông, tuyên truyền về chủ trương, chính sách hỗ trợ đào tạo nghề. Thường xuyên nắm tình hình quan hệ lao động ở các doanh nghiệp; phối hợp thực hiện các biện pháp phòng ngừa và giải quyết kịp thời các vụ đình công, lãn công ở các doanh nghiệp, tham gia giải quyết các vụ đình công bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động và người sử dụng lao động.

Thực hiện đồng bộ, đầy đủ chính sách, chế độ theo Pháp lệnh ưu đãi người có công. Chăm lo, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần người có công cách mạng. Thực hiện tốt Kế hoạch trợ cấp Tết Nguyên đán và Kế hoạch tổ chức các hoạt động kỷ niệm Ngày Thương binh - Liệt sĩ hàng năm. Phối hợp đẩy mạnh phong trào “Đền ơn đáp nghĩa”, huy động các nguồn lực xã hội để hỗ trợ, giúp đỡ các gia đình chính sách cải thiện cuộc sống, đặc biệt quan tâm đến các gia đình chính sách có nhiều khó khăn, ở vùng sâu, vùng xa, biên giới; đẩy mạnh xã hội hóa công tác chăm lo, chăm sóc thương binh, bệnh binh, gia đình liệt sĩ và người có công với cách mạng.

Xây dựng triển khai nhân rộng các mô hình giảm nghèo. Đảm bảo trợ cấp kịp thời và thực hiện đầy đủ chính sách cho các đối tượng trợ giúp xã hội, tạo cơ hội tốt cho người nghèo, đối tượng xã hội tự vươn lên thông qua các chính sách trợ giúp, hỗ trợ về giáo dục, dạy nghề, tín dụng, tạo việc làm, tăng thu nhập... Thường xuyên tuyên truyền, vận động người nghèo, cận nghèo phát huy khả năng của bản thân, chủ động phấn đấu vươn lên thoát nghèo.

Đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức về công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em và bình đẳng giới trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và nhân dân. Phát hiện, xử lý nghiêm minh các hành động bạo lực xâm hại phụ nữ và trẻ em.

2.4. Văn hóa, thể dục, thể thao

Tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ phục vụ nhiệm vụ chính trị, kỷ niệm các ngày lễ, sự kiện lớn của đất nước, của tỉnh trên địa bàn tỉnh. Tham gia các sự kiện chính trị do các Bộ, ngành Trung ương tổ chức. Trình UNESCO xem xét, ghi danh đối với di sản Lễ hội Vía Bà Chúa Xứ Núi Sam. Xây dựng 01 hồ sơ khoa học phi vật thể trình Bộ đưa vào Danh mục di sản phi vật thể cấp Quốc gia, 02 hồ sơ khoa học đề nghị công nhận di tích lịch sử văn hóa cấp tỉnh.

Tiếp tục đẩy mạnh Cuộc vận động “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại”, phát triển đa dạng các hình thức tổ chức tập luyện và thi đấu thể dục thể thao ở cơ sở, vận động và thu hút đông đảo nhân dân tham

gia tập luyện, nhất là vùng đồng bào dân tộc, vùng biên giới. Đẩy mạnh xã hội hóa trên lĩnh vực thể dục thể thao để huy động mọi nguồn lực của xã hội tham gia đóng góp và hưởng thụ các hoạt động thể dục thể thao, nhằm phát triển thể dục thể thao quần chúng và nâng cao thành tích thể thao.

2.5. Khoa học và công nghệ

Tiếp tục theo dõi, đôn đốc triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ năm 2023 chuyển sang; Tổ chức các buổi làm việc về hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo với các viện, trường đại học trong và ngoài tỉnh. Hỗ trợ kinh phí cho tổ chức, cá nhân thực hiện khoảng 10 dự án, ưu tiên 08 gói sản phẩm quy hoạch ứng dụng công nghệ cao, ứng dụng kết quả từ các sản phẩm của đề tài nghiên cứu, sản phẩm đạt giải trong các cuộc thi, hội thi sáng tạo kỹ thuật,... Triển khai thực hiện hoạt động Giải thưởng Chất lượng Quốc gia tại địa phương theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ, trong đó tổ chức vận động ít nhất 02 doanh nghiệp đăng ký tham dự Giải thưởng Chất lượng Quốc gia.

2.6. Thông tin và truyền thông

Đầu tư phát triển hạ tầng bưu chính, tăng trưởng duy trì trên 30%; Tập trung triển khai các dịch vụ chuyển đổi số, dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt; Từng bước hoàn chỉnh trực kết nối liên thông, chia sẻ cấp tỉnh; Duy trì kết nối, chia sẻ thông tin giữa Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính với Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Tập trung triển khai và vận hành hiệu quả “Trung tâm giám sát, điều hành thông minh” (IOC) tỉnh An Giang. Đẩy mạnh công tác truyền thông trên các cơ quan báo chí, truyền thông trong và ngoài tỉnh về những thành tựu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; tập trung tuyên truyền, giới thiệu quảng bá hình ảnh, tiềm năng, thế mạnh của tỉnh ra bên ngoài. Đồng thời theo dõi, quản lý chặt chẽ nội dung thông tin trên các cơ quan báo chí, truyền thông để kịp thời xử lý tốt các loại thông tin không đúng sự thật làm ảnh hưởng tiêu cực đến hình ảnh của tỉnh.

Triển khai Đề án Số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan, đơn vị và địa phương còn hiệu lực giai đoạn 2020-2025, đảm bảo tỷ lệ 100% kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa khi dự án kết thúc. Tuyên truyền, phổ biến nội dung, chính sách pháp luật để nâng cao nhận thức cho người dân và toàn xã hội về Chính phủ điện tử, Chính phủ số, chuyển đổi số. Đảm bảo 60% cơ quan nhà nước các cấp hoàn thành thiện chính quyền điện tử.

2.7. Tài nguyên và môi trường

Nghiên cứu triển khai các quy định của Luật Đấu thầu năm 2023 và Luật Đất đai (sửa đổi), Luật Kinh doanh bất động sản (sửa đổi), Luật Nhà ở (sửa đổi) ngay sau khi Quốc hội thông qua; xây dựng các chương trình, kế hoạch để triển khai thực hiện các Phương án lĩnh vực ngành sau khi được tích hợp Quy

hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2030; ban hành Quy định về cơ chế tạo quỹ đất để mời gọi đầu tư trên địa bàn tỉnh.

Tiếp tục tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến, tập huấn văn bản quy phạm pháp luật về quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, tăng trưởng xanh và phát triển bền vững. Triển khai thực hiện Chương trình phối hợp bảo vệ môi trường tỉnh An Giang giai đoạn 2021-2023 và Đề án truyền thông về biến đổi khí hậu giai đoạn 2022-2025.

Tăng cường công tác quản lý nhà nước về giá đất trên địa bàn tỉnh, đề xuất các giải pháp ổn định giá đất trên thị trường. Giám sát chặt chẽ việc chấp hành, tuân thủ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt, kiên quyết thu hồi các dự án chậm triển khai, không đưa đất vào sử dụng.

Tổ chức quan trắc môi trường định kỳ, liên tục và đột xuất để kịp thời cảnh báo các tai biến môi trường. Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết của Chính phủ, Kế hoạch hành động của Tỉnh ủy về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường. Thực hiện tốt công tác bảo vệ, thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm trong lĩnh vực quản lý tài nguyên, môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu.

3. Quốc phòng, an ninh

Chuẩn bị tốt công tác tuyên quân và diễn tập khu vực phòng thủ năm 2024. Tập trung xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, khai thác có hiệu quả tiềm năng thế mạnh của địa phương để phát triển kinh tế nhanh, bền vững kết hợp củng cố, tăng cường quốc phòng - an ninh. Đảm bảo môi trường an ninh, an toàn cho người dân và tạo lợi thế để thu hút đầu tư.

Thực hiện triển khai xây dựng hoàn thiện hệ thống công trình phòng thủ tuyến biên giới và các công trình phòng thủ trọng yếu. Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về an ninh, trật tự; quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ; đảm bảo trật tự an toàn giao thông, phòng cháy, chữa cháy trong Nhân dân. Chấn chỉnh công tác quản lý cư trú, quản lý người nước ngoài, quản lý các ngành nghề kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự.

Tăng cường đối ngoại trên các mặt, nhất là đối ngoại quân sự, đối ngoại Nhân dân góp phần ngăn ngừa các hoạt động chống phá từ xa, tạo môi trường hòa bình, ổn định; thực hiện hoàn thành việc phân giới, cắm mốc biên giới đất liền giữa Việt Nam và Campuchia; thực hiện nhiệm vụ tìm kiếm, quy tập, hồi hương quân tình nguyện Việt Nam hy sinh trên đất Campuchia.

4. Điều hành và quản lý nhà nước

Tiếp tục thực hiện sắp xếp tổ chức, bộ máy của tỉnh tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả theo Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 của Chính phủ quy định

tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Triển khai Dự án: “Lập mới, chỉnh lý, bổ sung hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính các cấp tỉnh An Giang theo Nghị quyết số 1107/NQ-UBTVQH14 ngày 09/12/2020, Nghị quyết số 721/NQ-UBTVQH15 ngày 13/02/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và cập nhật biên giới Quốc gia theo Nghị định thư phân giới cắm mốc biên giới trên đất liền giữa 02 nước: Việt Nam và Campuchia”.

Tổ chức hội nghị đánh giá chỉ số PCI (chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh), PAPI (hiệu quả quản trị và hành chính công) và chỉ số Pax Index (cải cách hành chính). Đẩy nhanh tiến độ xây dựng Chính quyền điện tử hướng tới Chính quyền số, nền kinh tế số; tích hợp, cung cấp các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 và thanh toán trên Cổng Dịch vụ công quốc gia. Phối hợp các đơn vị liên quan thực hiện các thủ tục chuẩn bị đầu tư Khu công nghệ thông tin tập trung tỉnh An Giang.

Đẩy mạnh việc rà soát, ban hành các giải pháp, tạo đột phá mạnh mẽ để nâng cao hiệu quả cải cách hành chính, nhất là cải cách thủ tục hành chính gắn với chuyển đổi số, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc, “điểm nghẽn” về hoàn thiện thể chế; tập trung triển khai có hiệu quả Đề án 06; ban hành các chính sách miễn, giảm phí, lệ phí sử dụng dịch vụ công trực tuyến, thanh toán trực tuyến để khuyến khích người dân, doanh nghiệp tham gia thực hiện.

Trên đây là báo cáo tình hình kinh tế - xã hội năm 2023 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2024 của tỉnh An Giang./.

Nơi nhận:

- TT.TU, HĐND tỉnh;
- CT và các P.CT UBND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành tỉnh;
- VP.UBND tỉnh: LĐVP, các phòng thuộc Văn phòng;
- Lưu HCTC, TH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Văn Phước